

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/DS-ST  
Ngày: 06-5-2024  
V/v "hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Minh và ông Nguyễn Trường  
Ca

- Thư ký phiên tòa: Bà Mạc Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố  
Chí Linh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương  
tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh,  
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 11  
năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Theo Quyết định đưa  
vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXX-ST ngày 25 tháng 3 năm 2024; Quyết định  
hoãn phiên tòa số: 11/2024/QĐST-DS ngày 19-4-2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Hoàng Đức T1, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn T, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Hồng T2, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang

Bà Chu Thị M, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn T, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương

(bà N, ông T2, bà M vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T1  
vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình giải  
quyết vụ án nguyên đơn bà Đoàn Thị N trình bày:

Vào khoảng năm 2011-2012 bà có kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm. Ông T1 có lấy cám nuôi lợn. Khi bà giao cám, ông T1 và vợ có kí nhận vào sổ. Ông T1 có lấy cám của gia đình bà khoảng 3-4 năm, hai bên giao nhận và thanh toán nhiều lần, cuối cùng vào năm 2014, 2015 chốt sổ. Ông T1, bà M không mua cám nữa. Ông T1 chốt sổ nợ là 198.000.000 đồng. Hai bên chỉ nói miệng với nhau là trả dần, không thoả thuận về lãi suất. Kể từ sau khi chốt nợ đến khoảng cuối năm 2015 ông T1 trả cho bà được 5.000.000 đồng. Số nợ còn lại là 193.000.000 đồng nhiều lần bà đến đòi nhưng ông T1 không trả. Ông T1 cứ khất lần này sang lần khác. Nay bà yêu cầu ông T1 phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền mua cám còn nợ là 193.000.000 đồng và tự nguyện không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn ông Hoàng Đức T1 trình bày: Ông có mua cám của bà N ở xã C để chăn nuôi lợn. Hai bên mua bán với nhau bằng miệng, chỉ giao hàng và ký sổ. Ông mua bán nhiều năm và cũng đã trả được tiền cho bà N. Đến năm 2015 ông không mua cám của bà N nữa thì hai bên chốt sổ. Khi chốt nợ ông còn nợ số tiền 198.000.000 đồng. Hai bên không thoả thuận ngày trả mà chỉ nói miệng trả dần không yêu cầu lãi suất.

Đến khoảng cuối năm 2015 ông có trả được cho bà N số tiền là 5.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 193.000.000 đồng ông chưa có để trả cho bà N. Nay điều kiện kinh tế khó khăn ông xin được trả dần.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T2 trình bày: Ông xác định ông T1 còn nợ vợ chồng ông số tiền mua cám nuôi lợn là 193.000.000 đồng. Ông đã nhiều lần đến đòi nhưng không trả. Nay ông yêu cầu ông T1 phải trả cho vợ chồng ông số tiền là 193.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất. Ông xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên toà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị M trình bày: Bà là vợ ông T1. Bà xác định có mua cám của gia đình bà N để chăn nuôi là đúng. Vợ chồng ông bà còn nợ bà N số tiền 193.000.000 đồng. Bà đồng ý xin được trả dần. Bà xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên toà.

Tại phiên toà bà nguyên đơn bà Đoàn Thị N, bị đơn ông Hoàng Đức T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông T2, bà M đều vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, đương sự, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ

lý vụ án cho đến thời điểm nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 73; bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 440; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị N. Buộc ông T1, bà M phải có trách nhiệm trả lại cho bà N, ông T2 số tiền là 193.000.0000 (một trăm chín mươi ba nghìn) đồng. Bà N, ông T2 tự nguyện không yêu cầu tính lãi suất.

2. Về án phí: Ông T1, bà M phải chịu 9.650.000 (chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Bà Đoàn Thị N có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với ông Hoàng Đức T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú thôn T, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại Điều 26; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ và có đề nghị xét xử vắng mặt do vậy HĐXX xét xử vắng mặt bà N, ông T1, ông T2, bà M theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu của bà Đoàn Thị N về trả số tiền 193.000.000 đồng thì thấy:

Bà Đoàn Thị N và ông Hoàng Đức T1 có quan hệ mua bán thức ăn chăn nuôi trong khoảng thời gian 3 đến 4 năm. Bà N và ông T1 cùng xác định hai bên chỉ mua bán miệng và giao hàng có kí sổ. Đến khoảng năm 2015 ông T1 dừng mua cám nên hai bên đã chốt sổ còn nợ là 198.000.000 đồng. Ông T1, bà N cùng thừa nhận ông T1 đã trả thêm cho bà N 5.000.000 đồng vào khoảng cuối năm 2015. Ông T1 đồng ý trả số nợ còn lại là 193.000.000 đồng và xin được trả dần. Ông T1, bà M đều xác định là khoản nợ chung của vợ chồng; bà N, ông T2 cùng xác định là tài sản chung của vợ chồng. Do vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, căn cứ theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự buộc ông T1, bà M phải trả cho bà N, ông T2 số tiền 193.000.000 đồng.

Về lãi suất: Bà **N**, ông **T2** tự nguyện không yêu cầu ông **T1** phải trả tiền lãi suất nên không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Yêu cầu của bà **N** được chấp nhận nên ông **T1**, bà **M** cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.650.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 440; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016 /UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Đoàn Thị N**. Buộc ông **T1**, bà **M** phải có trách nhiệm trả lại cho bà **N**, ông **T2** số tiền là 193.000.0000 (*một trăm chín mươi ba triệu*) đồng. Bà **N**, ông **T2** tự nguyện không yêu cầu tính lãi suất.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người yêu cầu có đơn thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357; 468 của Bộ luật dân sự.*

2. Về án phí: Ông **T1**, bà **M** phải chịu 9.650.000 (*chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Nguyệt**

